BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Sư phạm Lịch sử - Địa lý **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**33**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học tập trung HK 1, năm I
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
2	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
1	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		4
2	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		4
3	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		4
4	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		4
5	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		4
6	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		4
7	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		4
V. Đại cương chung			**19**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			**17**						
1	HG4500	Nhập môn nghề nghiệp	1	15					1
2	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
3	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
4	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
5	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
6	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
7	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
8	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
5.2. Đại cương chung tự chọn			**2**						
1	HG4001	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	2	30					2
2	HG4002	Khảo cổ học	2	30					2
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**102**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**10**						
1	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					2
2	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30					2
3	GE4075	Giáo dục học trung học	2	30			GE4017		3
4	GE4078	Tâm lý học trung học	2	30			GE4045		3
5	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30					5
II. Kiến thức cơ sở ngành			**9**						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			**5**						
1	HG4004N	Nhập môn sử học và Phương pháp luận sử học	3	45					2
2	HG4000	Bản đồ học	2	30					1
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			**4**						
1	HG4040	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Địa lý	2	30					3
2	HI4005P	Lịch sử văn minh thế giới	2	30					2
3	HG4166	Địa lý biển, đảo Việt Nam	2	30					7
4	HG4136	Địa lý du lịch	2	30					7
III. Kiến thức chuyên ngành			**60**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**54**						
1	HG4145	Địa lý tự nhiên đại cương	3	45					3
2	HG4005	Lịch sử thế giới cổ trung đại	3	45					2
3	HG4006	Lý luận và phương pháp dạy học lịch sử-địa lý ở trường phổ thông	3	45					4
4	HG4110N	Địa lý kinh tế xã hội đại cương	3	45					4
5	HG4017	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	3	45					3

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
6	HG4009	Địa lý tự nhiên các lục địa	3	45			HG4145		4
7	HG4010	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	3	45			HG4110N		5
8	HG4124	Lịch sử thế giới cận đại	3	45			HG4005		4
9	HG4125	Lịch sử Việt Nam cận đại	3	45			HG4017		4
10	HG4011	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	2	30			HG4009		5
11	HG4018	Phát triển năng lực trong dạy học lịch sử-địa lý ở trường phổ thông	3	45					5
12	HG4013	Dạy học tích hợp	2	30					6
13	HG4126	Lịch sử thế giới hiện đại 1	2	30			HG4124		5
14	HG4128	Lịch sử Việt Nam hiện đại 1	2	30			HG4125		5
15	HG4171	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	2	30			HG4011		6
16	HG4113	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 1	2	30			HG4010		5
17	HG4114P	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 2	2	30			HG4113		6
18	HG4127	Lịch sử thế giới hiện đại 2	2	30			HG4126		6
19	HG4129	Lịch sử Việt Nam hiện đại 2	2	30			HG4128		6
20	HG4014N	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử - địa lý ở trường phổ thông	3	45					6
21	HG4019	Chủ đề tích hợp trong giảng dạy Lịch sử và Địa lí THCS	3	45					7
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**6**						
1	GE4066	Địa phương học	2	30					7
2	HG4130	Địa lý miền nhiệt đới	2	30					7
3	HG4131	Hồ Chí Minh với Cách mạng Việt Nam	2	30					7
4	HG4152	Lịch sử quan hệ ngoại giao Việt Nam	2	30					7
IV. Khối kiến thức bổ trợ			**2**						
1	HG4410	Thực địa lịch sử-địa lý 1	1		30				6
2	HG4411	Thực địa lịch sử-địa lý 2	1		30				7
V. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm			**15**						
1	HG4401	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1		30				2
2	HG4402	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1		30		HG4401		3
3	HG4403	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1		30		HG4402		4
4	HG4404	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	1		30		HG4403		5
5	HG4405	Rèn luyện NVSP thường xuyên 5	1		30		HG4404		6
6	HG4406	Rèn luyện NVSP thường xuyên 6	1		30		HG4405		6
7	HG4491N	Kiến tập sư phạm	3		90				7
8	HG4407N	Thực tập tốt nghiệp	6		180				8
VI. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
6.1. Khóa luận tốt nghiệp									
1	HG4298	Khóa luận tốt nghiệp	6		180				8
6.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**						
1	HG4015	Những vấn đề địa lý tổng hợp	3	45					8
2	HG4016	Việt Nam trong sự phát triển của thế giới từ cuối thế kỷ XIX đến nay	3	45					8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**	1458	822				
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			111						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			10						